

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2019

V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Bé Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hiếu

2. Ông Lưu Quốc Khánh

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tú Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà Lê Huyền Mao – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L– sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Phan Duy T – sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chị L có mặt. Riêng anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 3 năm 2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2011 chị với anh Phan Duy T có tổ chức cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Trong quá trình sống chung hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hạnh phúc, cả hai đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Do đó chị L yêu cầu được ly hôn với anh Phan Duy T.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh T có chung với nhau 01 người con gái tên là Phan Thùy C, sinh ngày 26/02/2013, hiện sống với chị nên chị L yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2019 bị đơn anh Phan Duy T trình bày: về hôn hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung thống nhất với lời trình bày của chị L. Ý kiến của anh T như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi con là cháu Phan Thùy C, không đồng ý giao con cho chị L nuôi. Vì hiện chị L đi làm thuê để cháu C cho ngoại nuôi, còn anh ở nhà làm ruộng, điều kiện anh chăm sóc cho cháu C nhiều hơn chị L.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

- + Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Phan Duy T là vợ chồng. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy giấy chứng nhận kết hôn số: 30 ngày 16/02/2011 của UBND xã N.

- + Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Phan Thùy C, sinh ngày 26/02/2013 cho chị L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- + Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra xem xét, giải quyết.

- + Về án phí: Buộc chị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền chị L đã dự nộp sẽ chuyển thu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung mà bị đơn anh Phan Duy T cư trú tại ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc anh Phan Duy T vắng mặt lần thứ hai không có lý do được quy định theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị L và anh T xác định anh chị cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, nay chị L xin ly hôn với anh T do có quá nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được và anh T cũng đồng ý ly hôn với chị L. Tuy nhiên theo tài liệu chị L cung cấp là giấy chứng nhận kết hôn lập ngày 16/02/2011 (bản chính) nhưng không có chữ ký tên của vợ, chồng trên giấy chứng nhận kết hôn, đồng thời tại phiên tòa chị L xác định chị và anh T không có đến UBND xã N để ký tên vào giấy là không đúng quy trình thủ tục. Đối chiếu với quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 158/2005/NĐ – CP, ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch do đó giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nêu trên không có giá trị nên coi như chị L và anh T chung sống như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Do đó căn cứ vào Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Phan Duy T là vợ chồng. Đồng thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy giấy chứng nhận kết hôn số: 30 ngày 16/02/2011 của UBND xã N.

[2] Về con chung: Chị L và anh T thống nhất có 01 người con tên cháu Phan Thùy C, sinh ngày 26/02/2013 hiện chị L đang nuôi. Chị L và anh T đều có yêu cầu nuôi cháu C. Xét thấy kể từ thời điểm chị L và anh T ly thân với nhau vào năm 2015 đến nay chị L là người nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu C, hiện tại cháu đang học tại trường Mầm non N, chính quyền địa phương cho biết, chị L vẫn nuôi dạy cháu C phát triển bình thường, điều kiện nuôi cháu tốt, không có việc hành hạ hay có hành vi khác làm ảnh hưởng đến cháu C. Hiện chị L có công việc thu nhập khá ổn định đủ nuôi con, hơn nữa cháu C là bé gái thì điều kiện chăm sóc, gần gũi của người mẹ phù hợp hơn cha và để không làm cuộc sống, tinh thần của cháu C bị xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu C nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao cháu Phan Thùy C cho chị L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị L và anh T không có yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa ngày hôm nay là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: Buộc chị L phải nộp 300.000 đồng. Ghi nhận chị đã dự nộp án phí số tiền 300.000 đồng sẽ được chuyển thu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị định số 158/2005/NĐ – CP, ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Phan Duy T là vợ chồng.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy giấy chứng nhận kết hôn số: 30 ngày 16/02/2011 của UBND xã N.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Phan Thùy C, sinh ngày 26/02/2013 cho chị L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị L phải nộp 300.000 đồng. Ghi nhận chị đã dự nộp án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006144, ngày 26/03/2019 sẽ được chuyển thu toàn bộ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm hôn nhân và gia đình công khai. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- CC.THADS huyện Hồng Dân;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa.

Lâm Bé Nhi